

An Giang, ngày 16 tháng 5 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên theo triều.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long (Tân Châu, Khánh An, Châu Đốc): mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất ngày 15/5/2025 ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 5-10cm, cao hơn TBNN từ 20-40cm; mực nước thấp nhất ngày ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng năm 2024 và TBNN từ 5-25cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên theo triều. Mực nước cao nhất ngày 15/5/2025 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-40cm; mực nước thấp nhất xấp xỉ cùng kỳ năm 2024 và TBNN.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): mực nước trên các kênh, rạch lên dần, mực nước cao nhất và thấp nhất hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ 2024 và TBNN từ 5-45cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Trên hệ thống sông chính, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày lên theo triều; Khu vực

nội đồng TGLX, mực nước trên các kênh, rạch lên nhanh trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hạn hán và thiếu hụt nguồn nước cục bộ tại một số khu vực thuộc hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 17/5/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Thực đo (15/5)						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			16/5	17/5	18/5	19/5	20/5	16/5	17/5	18/5	19/5	20/5
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	-34	3	-23	123	11	29	127	130	128	126	122	-33	-35	-37	-34	-29
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	-47	3	-6	128	10	36	132	137	135	133	129	-46	-48	-50	-47	-42
Hậu	Khánh An	420	470	520	20	12	1	109	3	12	116	121	118	115	111	17	15	18	21	26
Hậu	Châu Đốc	300	350	400	-32	-3	-12	142	7	43	146	151	148	145	141	-31	-33	-35	-32	-27
Hậu	Long Xuyên	190	220	250	-42	6	6	150	22	42	154	159	156	153	149	-42	-44	-46	-43	-38
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	-43	4	-10	134	14	37	138	143	140	137	133	-42	-44	-46	-43	-38
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	18	14	14	46	7	17	53	56	59	57	53	25	30	33	31	28
Vĩnh Tế	Vĩnh Gia	200	240	280	28	17	9	45	23	22	47	50	53	51	47	35	40	43	41	38
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	23	3	15	51	-7	20	58	61	64	62	58	30	35	38	36	33
Tri Tôn	Cô Tô	140	180	220	45	23	22	69	-1	38	71	74	77	75	71	52	57	60	58	55
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	22	5	13	39	8	23	41	44	47	45	41	29	34	37	35	32
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	59	-5	29	84	-8	37	86	89	92	90	86	63	67	70	68	65
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	52	-6	23	108	-3	44	110	113	116	114	110	56	60	63	61	58
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	49	-10	16	80	-10	28	82	85	88	86	82	53	57	60	58	55

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm

